

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20-8-2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, cấp dưỡng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trần Đông

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duuyên Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2019/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồng Thị Mỹ C, sinh năm 1989. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện D, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh Chung Hữu N, sinh năm 1980. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện D, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/10/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hồng Thị Mỹ C trình bày:

Vào năm 2010 chị và anh Chung Hữu N hai bên tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ý kết hôn vào ngày 13/4/2010 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến tháng 10 năm 2019 thì vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau nguyên nhân do anh Chung Hữu N thường xuyên nhậu say về kiếm chuyện vô cớ và còn ra tay đánh chị. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nhận thấy tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn anh Chung Hữu N. Về con chung: Tên Chung Hồng N, sinh ngày 02-10-2011 chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh Chung Hữu N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2020 bị đơn anh Chung Hữu N trình bày: Vào năm 2010 anh và chị Hồng Thị Mỹ C tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 13/4/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống bên gia đình anh tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh T bằng nghề buôn bán. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 10 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nên vợ anh bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng vợ anh cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý. Về con chung: Tên Chung Hồng N, sinh ngày 02-10-2011 anh thống nhất theo nguyện vọng của con theo ai thì người đó nuôi dưỡng, bên còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 11 tháng 3 năm 2020 cháu Chung Hồng N trình bày: Cháu là con ruột của bà Hồng Thị Mỹ C và cha là ông Chung Hữu N cùng địa chỉ ấp C, xã L, huyện D, tỉnh T. Nay Tòa án giải quyết cho cha mẹ ly hôn, cháu là con có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Hồng Thị Mỹ C.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị Hồng Thị Mỹ C có thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, cụ thể về hôn nhân chị yêu cầu được ly hôn anh Chung Hữu N. Về con chung chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chung Hồng N, sinh ngày 02-10-2011, về cấp dưỡng nuôi con chị xin được rút lại yêu cầu anh Chung Hữu N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, tình trạng hôn nhân giữa chị Hồng Thị Mỹ C và anh Chung Hữu N đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Hồng Thị Mỹ C được ly hôn anh Chung Hữu N. Về con chung: Có 01 con chung là cháu Chung Hồng N, sinh ngày 02-10-2011 trong quá trình giải quyết vụ án cháu N có nguyện vọng được sống với mẹ là chị Hồng Thị Mỹ C nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con tại phiên tòa hôm nay chị Hồng Thị Mỹ C xin rút lại yêu cầu anh Chung Hữu N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, xét thấy yêu cầu của chị C là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị

Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Hồng Thị Mỹ C, ngoài ra đương sự không yêu cầu gì khác nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào diễn biến tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Chung Hữu N có nơi cư trú tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét đơn khởi kiện của chị Hồng Thị Mỹ C có nội dung yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng với anh Chung Hữu N là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Chung Hữu N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồng Thị Mỹ C và anh Chung Hữu N tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh N là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Hồng Thị Mỹ C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau một thời gian chung sống giữa vợ chồng chị C và anh N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng đã ly thân gần hai năm nay nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Hồng Thị Mỹ C về việc xin ly hôn anh Chung Hữu N.

[5] Về con chung: Chị Hồng Thị Mỹ C và anh Chung Hữu N có 01 con chung là cháu Chung Hồng N, sinh ngày 02-10-2011, xét thấy từ khi chị C và anh N ly thân cho đến nay thì cháu N do chị C trực tiếp chăm sóc, giáo dục phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần, trong quá trình giải quyết vụ án cháu N có nguyện vọng được sống với mẹ là chị Hồng Thị Mỹ C nên căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Chung Hồng N cho chị Hồng Thị Mỹ C được tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Hồng Thị Mỹ C tự nguyện rút lại yêu cầu anh Chung Hữu N cấp dưỡng nuôi con chung tên Chung Hồng N, sinh ngày 02-10-2011 mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi và việc rút yêu cầu là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu đã rút.

[6] Về tài sản chung: Chị Hồng Thị Mỹ C và anh Chung Hữu N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị Hồng Thị Mỹ C và anh Chung Hữu N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Hồng Thị Mỹ C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồng Thị Mỹ C.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồng Thị Mỹ C được ly hôn anh Chung Hữu N.

Về con chung: Chị Hồng Thị Mỹ C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Chung Hồng N sinh ngày 02-10-2011 (theo nguyện vọng của cháu N).

Đình chỉ đối với yêu cầu của chị Hồng Thị Mỹ C về việc yêu cầu anh Chung Hữu N cấp dưỡng nuôi con chung cháu Chung Hồng N, sinh ngày 02-10-2011 mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, gặp gỡ con chung.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết và có yêu cầu của các bên Tòa án có thể thay đổi người nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Hồng Thị Mỹ C và anh Chung Hữu N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị Hồng Thị Mỹ C và anh Chung Hữu N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Hồng Thị Mỹ C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003513 ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện Duyên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Văn Yên